

*Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày 28 tháng 9 năm 2020*

*V/v: ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

***- Các hội thẩm nhân dân:*** - Ông Võ Thu  
- Ông Vũ Đình Hữu

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991; địa chỉ: Tổ dân phố Bãi Giếng T, thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố Bãi Giếng T, thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: Bà T và ông S tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 20/4/2010. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông S xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là từ đầu năm 2019, ông S nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, chửi bới và ông S có xúc phạm bà T, gia đình bà T. Vợ chồng đã hòa giải Nều lần nhưng ông S vẫn không thay đổi tính cách. Đến cuối năm 2019, bà T dọn về nhà bố mẹ sinh sống cho đến nay. Bà T không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông S có 02 con chung là cháu Phạm Trường Công T, sinh ngày 01/01/2013 và cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/11/2014. Các con không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu T cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn S trình bày:*

- Về yêu cầu ly hôn: Ông S thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn. Ông S xác định vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2019. Nguyên nhân là do bà T nhắn tin qua điện thoại Nền với người đàn ông khác nên ông S nghi ngờ bà T ngoại tình; từ đó vợ chồng xảy ra xích mích, xúc phạm nhau; trong lúc nóng giận ông S có lời lẽ không tôn trọng đến gia đình bà T. Hai bên ly thân từ cuối năm 2019, nay ông S cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T và mong muốn bà T cho cơ hội thay đổi bản thân nên ông S không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trường Công T, sinh ngày 01/01/2013 và cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/11/2014. Tại phiên tòa, ông S đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông S về con chung; về tài sản chung và nợ chung, bà T và ông S được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà T và ông S tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 20/4/2010; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không tin tưởng và tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên xích mích, xúc phạm nhau. Bà T và ông S đã tự hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, đến cuối năm 2019 thì sống ly thân. Bà T xác định không còn tình cảm với ông S nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông S cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông S.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông S có hai con chung là cháu Phạm Trường Công T, sinh ngày 01/01/2013 và cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/11/2014. Các cháu không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Tại phiên tòa, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa bà T và ông S về việc giao cháu Phạm Trường Công T cho ông S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thị Yến N cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T và ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn S.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn S là giao cháu Phạm Trường Công T, sinh ngày 01/01/2013 cho ông Phạm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/11/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn S được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008299 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cam Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Mỹ Hạnh**